TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/DS-ST
Ngày: 05/3/2025
Về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Phú**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Nghiệm**.

2. Bà **Trần Kim Chi**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Phan Thanh Sang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Huỳnh Thị Thanh T**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà T: Chị **Đỗ Thị Thu N**, sinh năm 1985 (Có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*:

+ Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1986 (Vắng mặt);

+ Chị **Nguyễn Thị Ánh N**, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Thanh T và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Đỗ Thị Thu Ng trình bày:

Từ ngày 09/02/2023 đến ngày 27/02/2023, vợ chồng anh H, chị N có mua vật liệu xây dựng của bà T để xây dựng nhà ở. Đến ngày 13/10/2023, chị N đại diện vợ chồng ký tên và viết họ tên xác nhận số tiền còn nợ là 20.150.000 đồng. Sau đó, bà T nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng anh H, chị N không thực hiện.

Bà T yêu cầu anh H, chị N liên đới trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 20.150.000 đồng và tiền lãi chậm trả T từ ngày 13/10/2023 đến ngày xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Ngoài ra, bà T không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh H, chị Nguyễn Thị Ánh N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh H, chị N vẫn vắng mặt không lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là anh H, chị N có nơi cư trú tại khu phố 5, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Anh H, chị N đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu trả nợ gốc:

Bà T yêu cầu anh H, chị N trả tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 20.150.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà T đã giao nộp giấy viết tay đề ngày 13/10/2023 có nội dung thể hiện số tiền còn nợ là 20.150.000 đồng có chữ ký tên và chữ viết họ tên của chị N. Mặc khác, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt cho anh H, chị N Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng tài liệu, chứng cứ của bà T giao nộp. Nội dung Thông báo về việc thụ lý vụ án có nêu rõ bà T yêu cầu anh H, chị N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ 20.150.000 đồng, nhưng anh H, chị N không thể hiện ý kiến phản đối đối với yêu cầu của bà T xem như đã mặc nhiên thừa nhận những tình tiết mà bà T trình bày nêu trên là có thật. Do đó, có cơ sở để xác định yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất chậm trả: Xét yêu cầu của bà T về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, từ ngày 13/10/2023 anh H, chị N không thực hiện trả tiền, nên phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Thời gian từ ngày 13/10/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 0,83%/ tháng. Như vậy, số tiền lãi là: 20.150.000 đồng x 0,83%/tháng x 16 tháng 22 ngày = 2.798.566 đồng.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của bà T được chấp nhận toàn bộ nên anh H, chị N phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí anh H, chị N phải nộp được xác định: 22.948.566 đồng x 5% = 1.147.428 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 430, 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh T.

Buộc anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị Ánh N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Thanh T số tiền 22.948.566 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị Ánh N phải nộp liên đới 1.147.428 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Thánh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 553.900 đồng (Năm trăm năm mươi ba nghìn chín trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0009822 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Huỳnh Thị Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày T từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Thanh H, chị Nguyễn Thị Ánh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày T từ ngày tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Bùi Thanh Phú